

Số: **1268/2017/QĐST-HC**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm số 116/2017/HCST ngày 03 tháng 4 năm 2017, về việc *“Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*;

XÉT THẤY:

Tại Đơn khởi kiện ngày 30/11/2016, tại các bản tự khai, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hành vi hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận P về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà đối với căn nhà số 279/11 Huỳnh V, Phường 11, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà T, bà liên tục nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Đến năm 2010 bà biết được việc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất nêu trên tại Phiếu báo số 1357/UBND-TNMT ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận P. Văn bản này có nội dung đề nghị bà T liên hệ đơn vị đo vẽ để điều chỉnh bản vẽ sơ đồ nhà đất; Bổ sung cam kết tường theo hiện trạng; Bổ sung thỏa thuận ranh đất với nhà số 253/5 và 253/7 Huỳnh V; Liên hệ cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp trước khi Ủy ban nhân dân quận P xem xét cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Sau khi nhận được Phiếu báo số 1357/UBND-TNMT ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận P, bà T cho rằng đã khiếu nại nhiều lần nhưng không được Ủy ban nhân dân quận P xem xét giải quyết. Đến ngày 30/11/2016, bà T mới khởi kiện ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản lấy lời khai lập ngày 23/5/2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà T xác nhận sau khi bà nhận được Phiếu báo số 1357/UBND-TNMT ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận P đến thời điểm hiện nay bà vẫn chưa tiến hành thực hiện các nội dung trong Phiếu báo trên của Ủy ban nhân dân quận P. Bà T cũng không cung cấp những tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khiếu nại nhiều lần đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận P đối với Phiếu báo số 1357/UBND-TNMT ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận P.

Như vậy, kể từ ngày biết được Phiếu báo số 1357/UBND-TNMT ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận P cho đến ngày bà T khởi kiện ra Tòa án

nhân dân là đã hơn một năm. Do đó, theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì đơn khởi kiện của bà T là hết thời hiệu khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 116/2017/HCST ngày 03 tháng 4 năm 2017, về việc *“Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*, giữa:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 279/11 Huỳnh V, Phường 11, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 155 Nguyễn V, Phường 11, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án này nếu việc khởi kiện không có gì khác với vụ án này về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0033817 ngày 23/3/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thu Thủy